

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 06-01-2023

Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

*Các Thẩm phán:* bà Phùng Thị Cẩm Hồng

bà Huỳnh Thị Hồng Vân

**- Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Mỹ Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2022/TLPT-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2023 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 75/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2022/QĐ-PT ngày 23 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Trần Ngọc D, sinh năm 1978.

Địa chỉ: số 04 đường N, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An.

Nơi ở hiện nay: số 80/1 ấp L, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* anh Nguyễn Minh S, sinh năm 1976.

Địa chỉ: số 04 đường N, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn, chị Trần Ngọc D.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 16/6/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn, chị Trần Ngọc D trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn S tổ chức cưới năm 2005, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, thị xã T (nay thành phố T) vào ngày 10/11/2005.

Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh S.

Về con chung: chị và anh S có hai con chung tên Nguyễn Chiến T, sinh ngày 05/10/2006 và Nguyễn Minh P, sinh ngày 24/6/2012. Hiện nay, hai con đang sống với anh S. Nếu chị được ly hôn với anh S, chị giao cháu Nguyễn Chiến T cho anh S nuôi dưỡng, chị nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh P, yêu cầu anh S cấp dưỡng 8.000.000 đồng/tháng.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung. Vợ chồng chị không có nợ chung.

*Bị đơn, anh Nguyễn Minh S trình bày:*

Anh thông nhất trình bày của chị Trần Ngọc D về tình trạng hôn nhân, thời gian chung sống, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Nay chị D yêu cầu ly hôn, anh đồng ý. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung. Vợ chồng anh không có nợ chung.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 75/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An đã xử:

*1. Về quan hệ hôn nhân: công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Ngọc D với anh Nguyễn Minh S.*

*2. Về con chung: chị Trần Ngọc D và anh Nguyễn Minh S có 02 con chung tên Nguyễn Chiến T, sinh ngày 05/10/2006 và Nguyễn Minh P, sinh ngày 24/6/2012.*

*2.1 Về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung: anh Nguyễn Minh S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung tên là Nguyễn Chiến T, sinh ngày 05/10/2006 và Nguyễn Minh P, sinh ngày 24/6/2012.*

*2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: chị Trần Ngọc D không phải cấp dưỡng nuôi con do anh S không có yêu cầu.*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, nghĩa vụ của bên không trực tiếp nuôi con, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, việc thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/10/2022, nguyên đơn, chị Trần Ngọc D kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Minh P, yêu cầu anh S cấp dưỡng 8.000.000 đồng/tháng. Ngày 12/10/2022, chị Trần Ngọc D nộp tạm ứng án phí phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Trần Ngọc D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Anh Nguyễn Minh S có đơn vắng mặt phiên tòa và đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của chị Trần Ngọc D, giao con chung tên Nguyễn Minh P cho chị D nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 8.000.000 (tám triệu) đồng/tháng.

**Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của nguyên đơn đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về nuôi con chung tên Nguyễn Minh P và mức cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Về thủ tục tố tụng:*

[1] Kháng cáo của nguyên đơn, chị Trần Ngọc D thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

*Về nội dung kháng cáo của chị Trần Ngọc D yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Minh P, anh S có nghĩa cấp dưỡng 8.000.000 đồng/tháng:*

[2] Tại cấp phúc thẩm, chị D và anh S đã thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung, cụ thể: tại biên bản làm việc ngày 28/12/2022, anh S đồng ý để chị D trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Minh P, anh cấp dưỡng nuôi cháu P 8.000.000 đồng/tháng. Xét thấy, thỏa thuận này là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm về phần nuôi con chung.

[3] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Tuy nhiên, về tài sản chung các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không cần thiết ghi trong quyết định của bản án như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, được chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí phúc thẩm: chị Trần Ngọc D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.
2. Chấp nhận kháng cáo của chị Trần Ngọc D.
3. Sửa một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 75/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về nuôi con chung.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 6, 27 và 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Ngọc D về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" với anh Nguyễn Minh S.

6. Đình chỉ yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Minh S, yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân với chị Trần Ngọc D.

7. Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Ngọc D được ly hôn với anh Nguyễn Minh S.

8. Về con chung: anh Nguyễn Minh S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Chiến T, sinh ngày 05/10/2006 (ngày năm tháng mười năm hai nghìn không trăm lẻ sáu). Chị Trần Ngọc D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Minh P, sinh ngày 24/6/2012 (ngày hai mươi bốn tháng sáu năm hai nghìn không trăm mười hai).

9. Về việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Minh S cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Minh P số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng được tính kể từ ngày 06/01/2023 cho đến khi người con chung này đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Minh S tạm thời không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Chiến T.

10. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

11. Về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn:

11.1. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

11.2. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc chăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

12. Về án phí dân sự sơ thẩm:

12.1. Buộc chị Trần Ngọc D phải chịu 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001716 ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An. Hoàn trả cho chị Trần Ngọc D số tiền 225.000 (hai trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

12.2. Buộc anh Nguyễn Minh S phải chịu 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 20.250.000 (hai mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001809 ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An. Hoàn trả cho anh S số tiền 19.875.000 (mười chín triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

13. Về án phí dân sự phúc thẩm: buộc chị Trần Ngọc D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sung công quỹ Nhà nước, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001923 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An, chị D đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

14. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

15. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 06/01/2023 (ngày sáu tháng một năm hai nghìn không trăm hai mươi ba)./.

**Nơi nhận:**

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND thành phố Tân An;
- Chi cục THADS thành phố Tân An;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Ngọc Hoàng Đình Thục**

